

Số: 09/NQ-HĐKĐCLGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng  
Chương trình đào tạo ngành Kinh tế vận tải trình độ đại học  
Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 5570/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-TTKĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Hội đồng);

Căn cứ báo cáo kết quả tự đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Kinh tế vận tải trình độ đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 02 năm 2023;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín tại kỳ họp thứ XXIII của Hội đồng về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Kinh tế vận tải trình độ đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 02 năm 2023.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Kinh tế vận tải trình độ đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện công tác đánh giá chất lượng theo đúng quy định, quy trình; đảm bảo tính độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục như sau: Số tiêu chí

“đạt yêu cầu” là 47 trên tổng số 50 tiêu chí (chiếm 94,00%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (*Phụ lục I*).

**Điều 2.** Khuyến nghị Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các giải pháp bảo đảm và cải tiến chất lượng giáo dục cho giai đoạn 5 năm đánh giá tiếp theo (2023 – 2027) (*Phụ lục II*).

**Điều 3.** Đối chiếu với Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng thống nhất công nhận Chương trình đào tạo ngành Kinh tế vận tải trình độ đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo và khuyến nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh xem xét cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đối với chương trình đào tạo ngành Kinh tế vận tải trình độ đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. *l*

**Nơi nhận:**

- Trường ĐH GTVT TP.HCM;
- Giám đốc TTKĐCLGD;
- HĐKĐCLGD (09);
- Phòng ĐGCLGD;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



*Quỳnh Lam*

**Lê Ngọc Quỳnh Lam**





### Phụ lục I

## KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ VẬN TẢI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

### TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27 tháng 02 năm 2023  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Điểm theo tiêu chuẩn			
	Điểm theo tiêu chí	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100,00
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1	4	4,00	3	100,00
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1	4	4,00	3	100,00
Tiêu chí 3.2	4			
Tiêu chí 3.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100,00
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 6</b>				
Tiêu chí 6.1	3	3,86	6	85,71
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			
<b>Tiêu chuẩn 7</b>		4,00	5	100,00

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Điểm theo tiêu chuẩn			
	Điểm theo tiêu chí	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 8</b>				
Tiêu chí 8.1	4	4,00	5	100,00
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 9</b>				
Tiêu chí 9.1	4	4,00	5	100,00
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 10</b>				
Tiêu chí 10.1	4	3,83	5	83,33
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
<b>Tiêu chuẩn 11</b>				
Tiêu chí 11.1	4	4,00	5	100,00
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			
<b>Đánh giá chung</b>		<b>3,94</b>	<b>47</b>	<b>94,00</b>


44



**Phụ lục II**  
**KHUYẾN NGHỊ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH KINH TẾ VẬN TẢI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27 tháng 02 năm 2023*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Khoa Kinh tế vận tải (Khoa), Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh (Trường) có nhiệm vụ đào tạo cán bộ trình độ đại học, sau đại học làm công tác quản lý, kinh doanh và khai thác giao thông vận tải. Tính đến thời điểm tháng 08/2022, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa là 38 giảng viên, trong đó có 01 Phó giáo sư, 03 tiến sĩ, 7 nghiên cứu sinh, các giảng viên còn lại đều có trình độ thạc sĩ.

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022, Chương trình đào tạo ngành Kinh tế vận tải trình độ đại học có những điểm mạnh nổi bật sau:

- **Về thiết kế chương trình đào tạo và triển khai hoạt động dạy – học:** mục tiêu được xác định rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, quy định của Nhà nước và được công bố công khai. Chuẩn đầu ra ban hành tháng 9/2020 được cập nhật dựa trên chuẩn đầu ra ban hành tháng 3/2020, bao gồm 05 phát biểu được cụ thể hoá thành các chỉ số PI dựa trên yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Trường có sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong điều chỉnh phát biểu mục tiêu và chuẩn đầu ra. Bản mô tả chương trình đào tạo được cập nhật theo hướng cung cấp thông tin đầy đủ hơn, đáp ứng quy định, được công khai cho từng khoá học trên trang thông tin điện tử, thuận tiện cho các bên liên quan tiếp cận. Đề cương học phần được rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch, có đủ nội dung theo quy định. Chương trình dạy học được thiết kế, cập nhật theo kế hoạch chung của Trường; các học phần đều có đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các khối kiến thức trong chương trình dạy học có sự gắn kết, các học phần được bố trí sắp xếp hợp lý. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức và công bố công khai qua nhiều kênh thông tin. Giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá; có bảng tương quan thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra của học phần và các phương pháp kiểm tra đánh giá. Đa số người học hài lòng với các phương pháp dạy học. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định, phổ biến và thực hiện. Người học được phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá theo quy định và nắm được quy trình phúc khảo. 



- **Về nguồn lực:** Trường có chiến lược phát triển giai đoạn 2014-2020, có nội dung phát triển đội ngũ giảng viên. Kế hoạch thu hút, tuyển dụng giảng viên đều được triển khai thực hiện hằng năm. Trường có quy định về khối lượng công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học tiêu chuẩn cho đội ngũ giảng viên, quy định cách quy đổi khối lượng công việc của giảng viên. Giảng viên được đánh giá, được công nhận và khen thưởng theo kết quả giảng dạy, kết quả nghiên cứu khoa học. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên được giám sát từng năm học: số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học và tỉ trọng nghiên cứu khoa học của giảng viên Khoa Kinh tế vận tải cao khi đối sánh với một vài Khoa trong Trường. Kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2014-2020, tầm nhìn 2030 được tập trung triển khai. Năng lực và các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng. Việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên được thực hiện hằng năm theo kế hoạch. Trường có chính sách, quy định, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh rõ ràng, cập nhật hằng năm, phổ biến công khai. Trường có phân công đơn vị, có các quy định liên quan, có phần mềm quản lý đào tạo và cơ sở dữ liệu để giám sát kết quả rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Hằng năm, các hoạt động tư vấn việc làm, tư vấn cho người học để cải thiện việc học tập được triển khai. Trường có hệ thống hỗ trợ người học trực tuyến, có quy định về văn hóa công sở, có môi trường làm việc thân thiện. Phòng học, phòng giảng viên nghỉ giữa giờ, phòng làm việc có các trang thiết bị phù hợp. Thư viện có chi nhánh ở tất cả cơ sở, có cổng thông tin điện tử liên kết với các thư viện khác. Hệ thống công nghệ thông tin được thiết kế phù hợp cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu. Có các quy định về văn hoá học đường, văn hoá chất lượng, môi trường, sức khoẻ và an toàn.

- **Về nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra:** các văn bản về thiết kế và phát triển chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh hướng đến việc xây dựng chương trình dạy học theo chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học năm 2020 được thiết kế thể hiện rõ hơn sự tương thích của các phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của người học với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các quy trình, quy định, mẫu phiếu thu thập ý kiến các bên liên quan được rà soát, đánh giá và cải tiến. Tỉ lệ tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn, thôi học, tỉ lệ có việc làm được xác lập, đối sánh qua các năm và đối sánh với một số chương trình đào tạo khác của Khoa và Trường. Có báo cáo về tình



hình có việc làm và thu nhập của người học tốt nghiệp. Có triển khai hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan theo kế hoạch.

Bên cạnh những mặt mạnh, Hội đồng khuyến nghị Trường/Khoa cải thiện chất lượng chương trình đào tạo ngành Kinh tế vận tải trình độ đại học như sau:

1. Rà soát và điều chỉnh nhằm đảm bảo các phát biểu mục tiêu cụ thể khái quát được các chuẩn đầu ra, thể hiện được năng lực người học sau khi tốt nghiệp và làm việc trong môi trường thực tế một thời gian. Rà soát nhằm đảm bảo các PI phù hợp với việc đo lường chuẩn đầu ra.

2. Tăng cường công tác giám sát, quản lý thông tin nhằm đảm bảo sự chính xác, nhất quán thông tin trong bản mô tả chương trình đào tạo. Đánh giá nhu cầu thông tin của các bên liên quan về chương trình đào tạo để cung cấp thông tin phù hợp và hiệu quả hơn, trong đó có lưu ý đến các bên liên quan nước ngoài. Cải tiến các rubrics nhằm giúp người học có kế hoạch học tập phù hợp với mức độ đạt chuẩn đầu ra và mục tiêu học tập cá nhân.

3. Có biện pháp đảm bảo việc đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo hợp lý hơn, giúp người học tích lũy và duy trì mức cần đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tại thời điểm tốt nghiệp. Tăng cường các học phần thực hành, thực tế; bổ sung các học phần liên quan đến phân tích dữ liệu phục vụ cho nhu cầu chuyển đổi số, khả năng giao tiếp tiếng Anh trong công việc đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

4. Đánh giá bài bản, hệ thống về sự phù hợp của các phương pháp dạy học với việc giúp người học đạt chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo, đặc biệt là sự phù hợp, khả thi của các rubrics trong các đề cương học phần. Chú trọng việc tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề thực tế một cách sáng tạo, kỹ năng mềm, khả năng sử dụng ngoại ngữ cho người học.

5. Đánh giá sự phù hợp của phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập với mức đạt chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy. Có biện pháp cung cấp đáp án bài thi cuối kỳ cho người học.

6. Trường, Khoa cần xây dựng chính sách đãi ngộ, thu hút tốt để phát triển đội ngũ giảng viên, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học; quan tâm phát triển

th